

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé.

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh ngày 28/6/1992.

Địa chỉ: Số 255/3 ấp Xuân Hòa 1, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Ngô Trung B, sinh ngày 15/7/1988.

Địa chỉ: Số 356/10 ấp Ái Ngãi, xã Z, huyện Y, tỉnh Long An.

(Bà A và ông B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết Lan trình bày: Bà và ông Ngô Trung B kết hôn từ năm 2021, được UBND xã X, huyện Y, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32/2021 ngày 15/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc với nhau được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ông B sinh ra nhiều tật xấu thường hay cự cãi, không còn tiếng nói chung và không tôn trọng đối xử với nhau trong cuộc sống. Hiện nay bà và ông Ngô Trung B ly thân không chung sống với nhau đến nay đã 2 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được với ông Ngô Trung B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Ngô Trung B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngô Phúc Huy, sinh ngày 25/08/2021. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông Ngô Trung B cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngô Trung Hiếu đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Trích lục kết hôn, bản tự khai, căn cước công dân, giấy khai sinh, phiếu đề nghị xác minh tình trạng nơi cư trú, đơn xin ly hôn và các tài liệu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Tuyết A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Trung B nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Ông Ngô Trung B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; đồng thời bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông B, bà A.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Theo Trích lục kết hôn số 32/2021 ngày 15/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì bà Nguyễn Thị Tuyết A và ông Ngô Trung B là vợ chồng hợp pháp.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B sinh ra nhiều tật xấu thường hay cự cãi, không còn tiếng nói chung và không tôn trọng đối xử với nhau trong cuộc sống; đồng thời vợ chồng đã ly thân 2 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định để tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo cho ông B biết về yêu cầu ly hôn của bà A. Tuy nhiên, ông B không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không thể hiện ý kiến về các vấn đề liên quan đến vụ án ly hôn. Điều này chứng tỏ ông B không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà A; từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở đánh giá, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B đã *"... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[3.3] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 134/2021 ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Long An thì cháu Nguyễn Ngô Phúc Huy, sinh ngày 25/8/2021 là con chung của bà A và ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và ông B không thể hiện ý kiến; đồng thời con chung hiện đang sống cùng bà A nên cần giao cho bà A trực tiếp nuôi con chung nhằm đảm bảo sự ổn định cuộc sống của trẻ em và sự phát bình thường về tâm lý của trẻ là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật hiện hành.

[3.4] Về cấp dưỡng: Bà A yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định hiện hành và phù hợp với sinh hoạt của con chưa thành niên tại địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về nợ chung: Bà A trình bày là không có; đồng thời không có người yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ đó thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; ông B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết A được ly hôn với ông Ngô Trung B.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết A được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngô Phúc Huy, sinh ngày 25/08/2021.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về cấp dưỡng: Buộc ông Ngô Trung B có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

[6.1] Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết A phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà bà A đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010605 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

[6.2] Buộc ông Ngô Trung B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung vào ngân sách nhà nước.

[7] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Y, tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Y, tỉnh Long An;
- UBND xã X, huyện Y, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cảnh